

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/DS - ST.

Ngày: 17/6/2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Hồng Thơm;

2. Bà Nguyễn Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2021/TLST- DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Thông báo xét xử vụ án số 11/2021/TBXXST- DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại (VP Bank); địa chỉ trụ sở: Số 89, L, phường L, quận Đ, thành phố Hà nội;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị VP Bank;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Tuấn A - Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý;

Người được ủy quyền lại: Ông Vũ Tuấn N – Cán bộ xử lý nợ VP Bank; địa chỉ: Ngân hàng VP Bank – Trung tâm xử lý nợ, 91 Đ, thành phố N, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Ông Đinh Văn T, sinh năm 1978 và bà Đinh Thị P, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1981 và chị Bùi Thị S, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

- *Người làm chứng:* Bà Mai Thị P, sinh năm 1947; địa chỉ: Xóm 1, xã Xuân T, huyện X, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt anh N; Vắng mặt anh T, chị ph, anh Th, chị S, bà P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2020 và bản tự khai cùng lời khai tại phiên tòa, người ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng VPBank (sau đây gọi tắt là VPBank) trình bày:

Vợ chồng anh T, chị P vay của VPBank cụ thể:

-Ngày 02/7/2015 VPBank cho vợ chồng anh T, chị P vay số tiền 109.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 3851781, thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày 02/7/2015 đến 02/7/2018, mục đích sử dụng vốn vay: Mua sắm dụng cụ của gia đình; lãi suất cho vay là 20%/năm.

-Ngày 01/8/2015 VPBank cho vợ chồng anh T, chị P vay số tiền là 70.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 4103087, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 01/7/2015 đến ngày 01/7/2018, mục đích sử dụng vốn: Mua sắm dụng cụ của gia đình, lãi suất cho vay là 20%/năm.

-Ngày 23/09/2014 VP Bank cho vợ chồng anh T, chị P vay số tiền 310.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 1883823 đến ngày 03/10/2015 vợ chồng anh T, chị P nhận nợ số tiền 310.000.000đ của Hợp đồng ngày 23/9/2014 là khế ước nhận số 4715739, thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 03/10/2015 đến 03/10/2016, mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh đồ gỗ.

- Ngày 24/12/2014 VPBank cho vợ chồng anh T, chị P vay số tiền là 200.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 2493495 và kế ước nhận nợ số 4715739 ngày 05/01/2016 số tiền là 200.000.000đ của Hợp đồng vay ngày 24/12/2014; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay; bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất và kinh doanh đồ gỗ nội thất; lãi suất cho vay là 10%/năm, biên độ 3,5%.

Để đảm bảo khoản vay này vợ chồng anh T, chị P đã thế chấp quyền sử dụng đất là thửa số 378 tờ bản đồ số 3b, diện tích 118.0m², tại xóm 1, xã X, huyện X tỉnh Nam Định. Theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV55833, số vào sổ cấp GCN CH00393 do UBND huyện Xuân Trường cấp ngày 28/08/2014 cho ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị P.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng kể từ ngày vay thì vợ chồng anh T, chị P đã thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo quy định, nhưng từ ngày 26/6/2016 không thực hiện nghĩa vụ trả lãi nữa, sau khi không trả lãi về phía ngân hàng đã đơn đốc rất nhiều lần nhưng vợ chồng anh T không trả tiền gốc, lãi và tính đến ngày 16/4/2021, vợ chồng anh T, chị P còn nợ gốc, lãi, phạt chậm trả lại cụ thể:

- Đối với hợp đồng tín dụng vay ngày 03/10/2015, số tiền gốc phải trả 310.000.000 đồng, lãi phải trả 248.709.009 đồng, phạt chậm trả lãi 62.132.453 đồng. Tổng cộng gốc, lãi, phạt chậm trả lãi là 620.841.463 đồng;

- Đối với hợp đồng tín dụng vay ngày 01/5/2016, số tiền gốc phải trả 200.000.000 đồng, lãi phải trả 160.434.448 đồng, phạt chậm trả lãi 40.039.868 đồng. Tổng cộng gốc, lãi, phạt chậm trả lãi là 400.474.316 đồng;

- Đối với hợp đồng tín dụng vay ngày 02/7/2015, số tiền gốc phải trả 82.410.443 đồng, lãi phải trả 120.997.071 đồng, phạt chậm trả lãi 56.770.573 đồng. Tổng cộng gốc, lãi, phạt chậm trả lãi là 260.178.087 đồng;

- Đối với hợp đồng tín dụng vay ngày 01/8/2015 số tiền gốc phải trả 54.598.111 đồng, lãi phải trả 80.324.049 đồng, phạt chậm trả lãi 37.733.443 đồng. Tổng cộng gốc, lãi, phạt chậm trả lãi là 172.655.602 đồng;

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu anh Thanh chị Phượng phải trả cho VPBank số tiền tính đến ngày 27/11/2020 là 1.539.653.252 đồng cả gốc và lãi, tuy nhiên do có sự nhầm lẫn về số liệu. Nay VPBank yêu cầu anh T, chị P phải trả VPBank tính đến ngày 16/4/2021 thì nợ gốc là 647.008.554 đồng; tổng lãi phải trả là 610.464.577 đồng, phạt chậm trả lãi là 196.676.337 đồng. Tổng cộng gốc, lãi, phạt chậm trả lãi là 1.454.149.467 đồng;

Nay VPBank yêu cầu anh T, chị P phải thanh toán số tiền trên và toàn bộ lãi phát sinh cho đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà anh T, chị P không trả nợ đầy đủ cho VPBank, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa 378, tờ bản đồ số 3b tại Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh T chị P. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nói trên vẫn chưa đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho VPBank, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của anh T chị P để thu hồi nợ cho VPBank.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các giấy báo, giấy triệu tập theo quy định của pháp luật cũng như gọi điện thoại trực tiếp cho bị đơn là anh Đình Văn T và chị Đình Thị P đến Tòa án làm việc nhưng anh T, chị không đến cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi đến Tòa án. Kết quả xác minh tại địa phương: Anh T chị P vẫn đăng ký hộ khẩu

thường trú tại địa phương, thỉnh thoảng có về. Hiện nay anh chị không có mặt tại địa phương và đang làm ăn ở đâu không có địa chỉ cụ thể.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Bùi Thị trình bày; Anh Đinh Văn Th là em trai của anh Đinh Văn T, anh có biết vợ chồng anh Đinh Văn Th vay tiền của Ngân hàng Việt Nam . Sau khi vợ chồng anh T, chị P đi vào Miền Nam làm ăn, cán bộ của VPBank đã xuống nhà để làm việc, bản thân anh trực tiếp điện thoại thông báo cho vợ chồng anh T, chị P biết về việc ngân hàng đến đòi nợ cũng như vợ chồng anh trình bày với ngân hàng là vợ chồng anh có mua 2 mét chiều rộng, chạy dài khoảng 18 mét đất của vợ chồng anh T để ngân hàng biết mà thừa đất này của vợ chồng anh T đang thế chấp cho ngân hàng. Khi làm việc với Tòa án vợ chồng anh T trình bày là khoảng năm 2011- 2012 vợ chồng anh có mua đất của vợ chồng anh T, chị Phương 2 mét chiều rộng, chạy dài 18 mét đất, phần đất này giáp với đất của vợ chồng anh với giá 90.000.000đ nhưng chưa làm thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai. Thửa đất của vợ chồng anh T và chị P ngày 28/8/2014 đã được UBND huyện Xuân Trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 118.0m². Lúc vợ chồng anh nhận mua đất của vợ chồng anh T, chị P thì vợ chồng anh T chưa được cấp sổ đỏ vì là anh em trong gia đình nghĩ đơn giản nên chỉ có giấy viết tay với nhau. Khi cơ quan nhà nước làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh T, chị P, vợ chồng anh không đề nghị để tách phần đất mà vợ chồng anh T đã bán cho vợ chồng anh. Hiện phần đất mà vợ chồng anh đã mua của vợ chồng anh T thì đã xây dựng một phần nhà trên đó. Phần diện tích đất mà vợ chồng anh mua từ vợ chồng anh T diện tích đất này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng anh T đang thế chấp cho VPBank để đảm bảo khoản vay. Nay quan điểm của vợ chồng anh là vợ chồng anh và vợ chồng anh T sẽ tự giải quyết với nhau và không liên quan đến vụ án cũng như đề nghị Tòa án không báo gọi và từ chối tham gia tố tụng.

Người làm chứng: Bà Mai Thị P trình bày; Bà là mẹ đẻ của anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị P là con dâu bà. Bà đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ và các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho vợ chồng anh Thanh, chị Phương, sau khi bà nhận được các văn bản này bà đã thông báo nội dung luôn cho vợ chồng anh T, chị P biết để về Tòa án làm việc liên quan đến khoản nợ mà vợ chồng vay. Vợ chồng anh T, chị P vay tiền của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng như thế nào thì bà không biết. Cách đây khoảng 4 năm vợ chồng anh T, chị P đã đi vào Miền Nam làm ăn, địa chỉ cụ thể như thế nào thì bà không nắm được. Khi vợ chồng anh T, chị P đi vào Miền Nam làm ăn phía Ngân hàng có liên hệ với vợ chồng anh T, chị P như thế nào thì bà không biết. Vợ chồng anh T, chị P có diện tích đất 118.0m² tại xóm 1 xã X, huyện X, tỉnh Nam Định nguồn gốc là của vợ chồng bà tặng cho cách đây hơn 10 năm cũng như vợ

chồng anh T đã xây nhà trên thửa đất này. Hiện nay vợ chồng anh T, chị P cũng khó khăn đề nghị phía ngân hàng Việt Nam xem xét giảm lãi cho vợ chồng anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 299; 301, 318, 320, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền tính từ ngày vay đến ngày 16/4/2021 là 1.454.149.467 đồng, trong đó nợ gốc 647.008.554 đồng, lãi phải trả là 610.464.577 đồng, phạt chậm trả lãi là 196.676.337 đồng. Trong trường hợp mà VPBank phát mại tài sản của vợ chồng anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị P thì ưu tiên cho vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Bùi Thị S được mua trước toàn bộ tài sản này.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người được nguyên đơn ủy quyền đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành theo quy định của pháp luật và tiếp tục vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; HĐXX xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] Để có cơ sở xem xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xem xét một cách khách quan và toàn diện như sau:

Để có nhu cầu cho việc sản xuất kinh doanh của gia đình, vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị P đã vay vốn của VPBank được thể hiện ở các hợp đồng tính dụng cụ thể như sau:

-Ngày 02/7/2015 VPBank cho vợ chồng anh T, chị P vay số tiền 109.000.000đ.

-Ngày 01/8/2015 VPBank cho vợ chồng anh T, chị P vay số tiền là 70.000.000đ.

-Ngày 23/09/2014 VP Bank cho vợ chồng anh T, chị P vay số tiền 310.000.000đ.

-Ngày 24/12/2014 VPBank cho vợ chồng anh T, chị P vay số tiền là 200.000.000đ và kế ước nhận nợ ngày 05/01/2016.

Các hợp đồng tín dụng này giữa vợ chồng anh T, chị P đều thỏa thuận với ngân hàng VPBank lãi, thời hạn trả lãi. Để đảm bảo vay vợ chồng anh Đinh Văn T đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 378, tờ bản đồ số 3b tại Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị P. Như vậy, vợ chồng anh T, chị P khi ký kết hợp đồng tín dụng với VPBank và thế chấp quyền sử dụng đất của vợ chồng với VPBank là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự cũng như Luật các tổ chức tín dụng, Luật ngân hàng nhà nước. Sau khi vợ chồng anh T ký hợp đồng tín dụng với VPBank, VPBank đã giải ngân cho vợ chồng anh Thanh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng anh Thanh đã thực hiện việc trả lãi đúng hạn, tuy nhiên từ ngày 26/6/2016 vợ chồng anh Th và chị P không trả được lãi. Sau khi không trả được lãi cho VPBank theo như thỏa thuận của Hợp đồng, phía VPBank đã làm các thủ tục đơn đốc việc trả nợ đối với vợ chồng anh , chị P, do không có khả năng trả tiền gốc và lãi cho VPBank nên vợ chồng anh T, chị P đã bỏ đi vào Miền Nam làm ăn từ năm 2018. Nay VPBank xác định vợ chồng anh T, chị P còn nợ tiền gốc 647.008.554 đồng; số tiền lãi 610.464.577đ, phạt chậm trả lãi là:196.678.337đ. Xét ngân hàng tính lãi cũng như phạt chậm trả lãi trên tổng số tiền gốc mà vợ chồng anh T, chị P còn nợ chưa trả là phù hợp với điều khoản thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

[3]Đối với vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Bùi Thị S mặt dù đề nghị Tòa án không báo gọi cũng như từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này và cho rằng không liên quan đến vụ án. Nhưng để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng anh Đinh Văn T, chị Bùi Thị S Tòa án vẫn xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bởi lẽ vợ chồng anh T, chị S có mua của vợ chồng anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị P 2 mét chiều rộng và 18 mét chiều dài đất (36m²) của vợ chồng anh Đinh Văn Th. Mặc dù phần diện tích đất này hai bên khi mua bán với nhau chỉ có giấy viết tay, chưa làm thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong khi đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng anh T, chị P thì phần diện tích đất này nằm trong sổ đỏ của vợ chồng anh Th chị P. Qua xem xét thẩm định thì Tòa án thấy phần nhà của vợ chồng anh Đinh Văn T đã xây nằm trên phần diện tích đất mà vợ chồng anh Đinh Văn T đã bán cho. Trong khi đó vợ chồng anh Đinh Văn T, chị P đã thế chấp sổ đỏ này cho VPBank ở khoản vay

mà VPBank đề nghị Tòa án tuyên trong bản án; Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà anh T, chị P không trả nợ đầy đủ cho VPBank, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa 378, tờ bản đồ số 3b tại Xóm 1, xã , huyện X, tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh T chị P. Như vậy, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng anh T không thực hiện nghĩa vụ với VPBank, VPBank kê biên phát mại tài sản nhà và đất của vợ chồng anh T sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng anh Thiện. Từ những phân tích này, Tòa án xác định vợ chồng anh T, chị S là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Trong trường hợp mà VPBank phát tài sản thế chấp của vợ chồng anh T, chị P để thu hồi vốn thì trước hết ưu tiên cho vợ chồng anh T, chị S được mua trước toàn bộ tài sản này, nếu anh T, chị S không có khả năng lấy tài sản này thì VPBank mới có quyền thực hiện theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích lập luận đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của VPBank buộc vợ chồng anh T, chị P phải trả số tiền gốc, tiền lãi, phạt chậm trả lãi tính đến ngày 16/4/2021 tổng số tiền 1.454.149.467 đồng cũng như VPBank đề nghị Tòa án tuyên vợ chồng anh T, chị P phải trả lãi tiếp theo cho đến ngày thi hành xong là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 299; 301, 318, 320, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng; Buộc vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị P phải trả số tiền gốc, lãi và phạt chậm trả lãi tính đến ngày 16/4/2021 là 1.454.149.467 đồng (*Một tỷ bốn trăm bốn mươi tư triệu một trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*) (Số tiền gốc: 647.008.554 đồng; số tiền lãi là 610.464.577 đồng; phạt chậm trả lãi là: 196.678.337 đồng) cho VPBank.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 16/4/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà anh T, chị P không trả nợ đầy đủ cho VPBank, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất là thửa số 378 tờ bản đồ số 3b, diện tích 118.0m², tại xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV558339, số vào sổ cấp GCN CH00393 do UBND huyện X cấp ngày 28/08/2014 cho ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị P. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nói trên vẫn chưa đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho VPBank, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của anh Thanh chị Phượng để thu hồi nợ cho VPBank.

Trong trường hợp mà VPBank phát mại tài sản của vợ chồng anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị P thì ưu tiên cho vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Bùi Thị S được mua trước toàn bộ tài sản này.

Về án phí: Vợ chồng anh Đinh Văn Thanh, chị Đinh Thị Phượng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 55.624.000đ.

Hoàn trả lại Ngân hàng cổ phần Việt Nam số tiền 29.100.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001973 ngày 21/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã X;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phạm Ngọc Long

